

Số: 574/TB-UBND

Than Uyên, ngày 17 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án:
Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu
Cấp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 66, Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-TCĐBVN ngày 15/05/2020 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc Phê duyệt Dự án đầu tư và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Dự án thành phần 6, tỉnh Lai Châu (LC: 06-DADT: 03) thuộc Hợp phần cầu, Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của UBND huyện về việc Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện công trình: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Cáp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên;

Căn cứ bản đồ trích đo địa chính khu đất; bảng tổng hợp diện tích trích đo khu đất thu hồi và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Cáp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên do Công ty CP ứng dụng công nghệ TN&MT thực hiện xác nhận ngày tháng 11/2020 và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/01/2021;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-TN&MT, ngày 17/03/2021 và Công văn số 88/CV-TTPTQĐ ngày 09/03/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện,

Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của 9 hộ gia đình, cá nhân và đất 01 tổ chức (đất UBND xã Tà Hừa quản lý), cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: 1.287,6 m².

- Loại đất:

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK):	187,5 m ²
+ Đất ở tại nông thôn (ONT):	104,8 m ²
+ Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):	71,4 m ²
+ Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK):	370,5 m ²
+ Đất sông suối (SON):	129,5 m ²
+ Đất giao thông (DGT):	423,9 m ²

(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

- Vị trí khu đất: Tại xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

2. Lý do thu hồi đất

Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Cáp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

Thực hiện theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của

UBND huyện v/v phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng **thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Cáp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.**

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải thông báo thu hồi đất trên Trang thông tin điện tử của huyện.

4.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì phối hợp với UBND xã Tà Hừa thực hiện một số nội dung sau:

- Gửi thông báo thu hồi đất đến các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và tổ chức họp phổ biến, tuyên truyền chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Cáp Na 2, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

- Tổ chức niêm yết công khai thông báo thu hồi đất tại trụ sở UBND xã, điểm sinh hoạt chung của khu và trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Phổ biến kế hoạch khảo sát, đo đạc kiểm đếm cho người sử dụng đất trong khu vực dự án và yêu cầu người sử dụng đất tạo điều kiện để Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, xác định diện tích đất để thực hiện dự án.

4.3. Ủy ban nhân dân xã Tà Hừa có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, xác định diện tích đất bị thu hồi, thống kê tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ủy ban nhân huyện Than Uyên yêu cầu Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Tà Hừa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như mục 4;
- Lưu: VT, TNMT. *ns*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thăng

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐẤT GPMB DỰ ÁN:
XÂY DỰNG CẦU DÂN SINH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG (LRAMP) - CẦU CẤP NA 2**

(Đính kèm Thông báo số 574/TB-UBND ngày 17/3/2021 của UBND huyện)

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó					
							Đất bằng trồng cây hàng năm (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất ở nông thôn (ONT)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất sông, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)
1	2	3	4	5	6	8	10	11	12	13	14	15
	Lường Văn Dung	Bản Cấp Na 2	16	648	ONT	5.9			5.9			
1	Tổng					5.9						
	Lường Văn Xiển	Bản Cấp Na 2	16	599	ONT+BHK	93.9	87.1		6.8			
2	Tổng					93.9			6.8			
	Quảng Văn Ngoai	Bản Cấp Na 2	16	685	NHK	24.9				24.9		
3	Tổng					24.9				24.9		
	Quảng Văn Tuấn	Bản Cấp Na 2	16	678	NHK	18.2				18.2		
4	Tổng					18.2				18.2		
	Tòng Thị Thà	Bản Cấp Na 2	16	649	ONT	50.3			50.3			
5	Tổng					50.3			50.3			
	Tòng Văn Đin	Bản Cấp Na 2	16	679	NHK	25.8				25.8		
6	Tổng					25.8				25.8		
	Tòng Văn Khún	Bản Cấp Na 2	16	681	NHK	151.3				151.3		
	Tòng Văn Khún	Bản Cấp Na 2	16	684	NHK	110				110.0		
7	Tổng					261.3				261.3		
	Tòng Văn Lâm	Bản Cấp Na 2	16	677	BHK	44.5	44.5					
	Tòng Văn Lâm	Bản Cấp Na 2	16	680	NTS	71.4		71.4				
8	Tổng					115.9		71.4				
	Tòng Văn Mùn	Bản Cấp Na 2	16	601	ONT+BHK	97.7	55.9		41.8			
	Tòng Văn Mùn	Bản Cấp Na 2	16	682	NHK	8.9				8.9		



STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó					
							Đất bằng trồng cây hàng năm (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất ở nông thôn (ONT)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất sông, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)
1	2	3	4	5	6	8	10	11	12	13	14	15
	Tổng Văn Mùn	Bản Cáp Na 2	16	687	NHK	31.4				31.4		
9	Tổng					138	55.9	-	41.8	40.3	-	-
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	16	683	DGT	238.1						238.1
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	16	686	SON	129.5					129.5	
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	16	688	DGT	185.8						185.8
10	Tổng					553.4	-	-	-	-	129.5	423.9
	Tổng cộng					1287.6	187.5	71.4	104.8	370.5	129.5	423.9